

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Học Kỳ 1 - Năm Học 22-23

Môn học Cầu lông 2
CBGD Lương Anh Kiệt

Nhóm: 10

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234013	1	2121160002	Nguyễn Văn	Bảo	02/08/2001	CCQ2127D	7.0	4.0	5.2	
234013	2	2120190075	Nguyễn Văn	Đạt	14/07/2001	CCQ2019C	7.0	4.0	5.2	
234013	3	2120190093	Phạm Đức	Hải	03/06/2002	CCQ2019C	7.0	8.0	7.6	
234013	4	2121120616	Huỳnh Thái Ngọc	Hân	27/07/2003	CCQ2112R	8.0	8.0	8.0	
234013	5	2120260044	Lê Thị Thu	Hậu	28/11/2002	CCQ2026B	7.7	6.0	6.7	
234013	6	2121120635	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	19/09/2002	CCQ2112R	7.3	4.0	5.3	
234013	7	2121120379	Ngô Thị Thu	Hồng	20/11/2003	CCQ2112K	7.0	4.0	5.2	
234013	8	2120030047	Nguyễn Hoàng	Khiết	12/01/2002	CCQ2003B	7.0	10.0	8.8	
234013	9	2120260185	Võ Đăng	Khoa	21/07/2002	CCQ2026F				ct
234013	10	2121100052	Nguyễn Thị Thanh	Lan	04/09/2003	CCQ2110B	5.3	3.0	3.9	
234013	11	2121120405	Nguyễn Thị Kim	Loan	29/06/2003	CCQ2112L	8.0	7.0	7.4	
234013	12	2121120356	Nguyễn Minh Minh	Lý	01/02/1993	CCQ2112K	7.7	5.0	6.1	
234013	13	2120270051	Phạm Thị Hồng	Nam	16/04/2002	CCQ2027B	8.3	5.0	6.3	
234013	14	2121120628	Lê Kim	Ngọc	17/12/2003	CCQ2112R	7.0	4.0	5.2	
234013	15	2121120645	Trương Thị Hồng	Ngọc	03/10/2003	CCQ2112I	7.7	4.0	5.5	
234013	16	2121120227	Ngô Thị	Nguyên	10/03/2003	CCQ2112G	7.7	7.0	7.3	
234013	17	2121170056	Nguyễn Trọng	Nguyên	30/04/2003	CCQ2117B	7.3	9.0	8.3	
234013	18	2121120110	Nguyễn Hữu	Nhân	14/11/2003	CCQ2112D	8.3	5.0	6.3	
234013	19	2121110292	Nguyễn Văn	Nhân	02/09/2003	CCQ2112R	6.0	8.0	7.2	
234013	20	2121260067	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/06/2001	CCQ2126B	8.3	4.0	5.7	
234013	21	2121120090	Nguyễn Thị Kim	Oanh	26/12/2002	CCQ2112C	8.3	7.0	7.5	
234013	22	2120190081	Nguyễn Hữu	Phước	21/06/2001	CCQ2019C	6.7	7.0	6.9	
234013	23	2121170586	Nguyễn Hoàng Nhật	Quang	06/03/2003	CCQ2117Q	8.3	7.0	7.5	
234013	24	2121120414	Nguyễn Văn	Quý	08/03/2003	CCQ2112L	7.3	6.0	6.5	
234013	25	2121170283	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	23/03/2003	CCQ2117I	8.0	7.0	7.4	
234013	26	2119030194	Nguyễn Xuân	Quỳnh	22/09/2001	CCQ1903F	9.7	5.0	6.9	

234013	27	2121120561	Phạm Thị Như	Quỳnh	10/01/2003	CCQ2112Q	8.7	6.0	7.1	
234013	28	2121200132	Hồ Thị Thu	Trang	04/11/2003	CCQ2120D	6.3	5.0	5.5	
234013	29	2120240081	Lê Thị Kim	Trang	18/04/2002	CCQ2024C	6.3	3.0	4.3	
234013	30	2121202001	Nguyễn Thị Thùy	Trang	25/06/2003	CCQ2120B	8.0	3.0	5.0	
234013	31	2121120573	Nguyễn Thị Thu	Trinh	25/11/2003	CCQ2112Q	8.0	3.0	5.0	
234013	32	2120270234	Huỳnh Văn	Trọng	16/05/2002	CCQ2027G	6.7	4.0	5.1	
234013	33	2121260010	Đào Thanh	Trúc	08/12/2003	CCQ2126A	8.3	7.0	7.5	
234013	34	2121120390	Đặng Lê Phương	Trúc	17/10/2002	CCQ2112L	6.0	3.0	4.2	
234013	35	2121260045	Huỳnh Trần Thanh	Trúc	08/02/2003	CCQ2126B	8.3	7.0	7.5	
234013	36	2120030068	Phạm Đăng	Trường	15/04/2002	CCQ2003B	7.0	4.0	5.2	
234013	37	2120190144	Ngô Minh	Tuấn	07/02/2001	CCQ2019D	6.7	7.0	6.9	
234013	38	2121120111	Lê Đặng Thanh	Tuyền	27/09/2003	CCQ2112D	8.7	5.0	6.5	
234013	39	2121170611	Huỳnh Thế	Vũ	07/05/2003	CCQ2117R	6.0	8.0	7.2	
234013	40	2121260016	Nguyễn Hoàng	Vũ	15/10/2002	CCQ2126A	8.3	4.0	5.7	
234013	41	2121260052	Nguyễn Thị Bích	Xuân	12/11/2003	CCQ2126B	7.3	7.0	7.1	

TPHCM , ngày ... tháng ... năm 2022